



VẤN ĐỀ 6 - DOCUMENTS



CHỨNG TỪ TRONG THƯƠNG MẠI VÀ TTQT

CHỨNG TỪ THƯƠNG MẠI

Chứng từ vận tải

Chứng từ bảo
hiểm

Chứng từ hàng
hóa

CHỨNG TỪ TÀI CHÍNH

Hối phiếu

Séc

Thẻ thanh
toán

DOCUMENTS

- Bill of Lading (B/L), Sea Waybills, Air Waybills (AWB)
- Certificate of Insurance (C/I)
- Invoice
- Certificate of Origin (C/O)
- Certificate of Quality (C/Q)
- Packing List
- Sanitary Certificate
-

B/L – Bill of Lading



B/L – Bill of Lading

- **Chức năng:**

- Là biên lai nhận hàng
- Là bằng chứng về hợp đồng chuyên chở hàng hóa
- Là chứng từ sở hữu hàng hóa

B/L (tiếp)

- **Mục đích sử dụng:**

- Nhà XK: chứng từ thanh toán quan trọng
- Nhà NK: cầm vận đơn gốc, là người xuất trình đầu tiên → mới được nhận hàng
- Người chuyên chở: chỉ giao hàng khi nhận được vận đơn gốc đầu tiên, thu hồi vận đơn gốc → hoàn thành trách nhiệm
- Là chứng cứ quan trọng khi phát sinh tranh chấp
- Làm thủ tục xuất nhập khẩu, khai báo hải quan

PHÂN LOẠI



山东省烟台国际海运公司
SHANDONG PROVINCE YANTAI INTERNATIONAL MARINE SHIPPING CO.

SHIPPER (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE) VN EXPORT , HAOI, VIETNAM http://michaelhoan.googlepages.com/		BILL OF LADING NO. SYVHKBKV7510586											
CONSIGNEE (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE) KR IMPORT BUSAN KOREA		Port-to-Port or Combine Transport BILL OF LADING RECEIVED by the carrier as specified below in external apparent good order and condition unless otherwise stated. The total number of packages or units stuffed in the container, the description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnished by the merchants, and which the carrier has no responsibility for checking and is not a part of this Bill of Lading contract. The goods shall be transported to such place as agreed, authorized or permitted herein and subject to all the terms and condition whether written, stamped, printed or incorporated on the front and reverse side hereof which the Merchant agrees to be bound by accepting this Bill of Lading, and local privileges and customs notwithstanding in WITNESS whereof one (1) original Bill of Lading has been signed if not otherwise stated below, the same being accomplished the other(s), any, to be void, if required by the carrier one (1) original Bill of Lading must be surrendered duly endorsed and receipted for the goods or delivery order. COPY NON-NEGOTIABLE No. of Original Bills of Lading THREE (03)											
NOTIFY PARTY (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE) (It is agreed that no responsibilities shall be attached to the carrier or his agents for failure notify) SAME AS CONSIGNEE													
PRE-CARRIAGE BY*	PLACE OF RECEIPT*												
(INTENDED) VESSEL/VOYAGE STADT RATZEBURG V.0751N	PORT OF LOADING HAIPHONG, VIETNAM												
PORT OF DISCHARGE PUSAN KOREAN PORT	PLACE OF DELIVERY*												
PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER BUT NOT ACKNOWLEDGED BY CARRIER <table border="1"> <thead> <tr> <th>CONTAINER NO./SEAL NO. MARKS & NUMBERS</th> <th>QUANTITY (FOR CUSTOMERS DECLARATION ONLY)</th> <th>DESCRIPTION OF GOODS (SAID TO CONTAIN)</th> <th>GROSS WEIGHT (KILOS)</th> <th>MEASUREMENT (CU METRES)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>AMFU851103, 752, 101</td> <td>232 CTNS</td> <td>SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL. 01X40HC CONTAINER S. T. C.: BAMBOO BASKETS ORIGIN: VIETNAM 232 CARTONS = 2,320 SETS NW = 5,568 KGS GW = 6,032 KGS</td> <td>6,032.00</td> <td>57.240</td> </tr> </tbody> </table> SURRENDERED CLEAN ON BOARD STADT RATZEBURG V.0751N 18TH DEC, 2007 CY/CY				CONTAINER NO./SEAL NO. MARKS & NUMBERS	QUANTITY (FOR CUSTOMERS DECLARATION ONLY)	DESCRIPTION OF GOODS (SAID TO CONTAIN)	GROSS WEIGHT (KILOS)	MEASUREMENT (CU METRES)	AMFU851103, 752, 101	232 CTNS	SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL. 01X40HC CONTAINER S. T. C.: BAMBOO BASKETS ORIGIN: VIETNAM 232 CARTONS = 2,320 SETS NW = 5,568 KGS GW = 6,032 KGS	6,032.00	57.240
CONTAINER NO./SEAL NO. MARKS & NUMBERS	QUANTITY (FOR CUSTOMERS DECLARATION ONLY)	DESCRIPTION OF GOODS (SAID TO CONTAIN)	GROSS WEIGHT (KILOS)	MEASUREMENT (CU METRES)									
AMFU851103, 752, 101	232 CTNS	SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL. 01X40HC CONTAINER S. T. C.: BAMBOO BASKETS ORIGIN: VIETNAM 232 CARTONS = 2,320 SETS NW = 5,568 KGS GW = 6,032 KGS	6,032.00	57.240									
TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGE (IN WORDS) ONE CONTAINER ONLY													
FREIGHT & CHARGES	RATE	UNIT	PREPAID	COLLECT									
FREIGHT PREPAID													
EXCESS VALUE DECLARATION		PREPAID AT	PAYABLE AT HAIPHONG										
TEMPERATURE CONTROL INSTRUCTION		SIGNED BY / ON BEHALF OF THE CARRIER											
PLACE OF ISSUE HAIPHONG, VIETNAM		SHANDONG PROVINCE YANTAI INTERNATIONAL MARINE SHIPPING CO.											
DATE OF ISSUE 18TH DEC, 2007													
LADEN ON BOARD OF VESSEL DATE BY SYMS STANDARD FORM 02													

Căn cứ vào hành trình của hàng hóa

- Vận đơn đi thẳng (direct bill of lading)
- Vận đơn chở suốt (through bill of lading)
- Vận đơn vận tải liên hợp hay vận đơn đa phương thức (combined transport bill of lading or multimodal transport bill of lading)

PHÂN LOẠI

Direct B/L

Cấp cho hàng hóa được chuyên chở bằng một con tàu đi từ cảng xếp đến cảng đích, nghĩa là tàu chở đi từ cảng đến cảng

Through B/L

- Dùng trong trường hợp chuyên chở hàng hóa giữa các cảng bằng 2 hoặc nhiều tàu, thuộc 2 hay nhiều chủ khác nhau
- Người cấp vận đơn phải chịu trách nhiệm về hàng hóa trên quãng đường từ cảng xếp đến cảng dỡ cuối cùng

Combine Transport B/L

- Sử dụng trong trường hợp hàng hóa được vận chuyển bằng 2 hay nhiều phương thức vận tải khác nhau
- Người cấp vận đơn phải chịu trách nhiệm về hàng hóa từ nơi nhận hàng để chở đến nơi giao hàng

PHÂN LOẠI

SHIPPER (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE)		BILL OF LADING NO.	
VN EXPORT, HAOI, VIETNAM http://michaelhoan.googlepages.com/		SYVHKBKV7510586	
CONSIGNEE (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE)		Port-to-Port or Combine Transport BILL OF LADING	
KR IMPORT BUSAN KOREA		RECEIVED by the carrier as specified below in external apparent good order or condition unless otherwise stated. The total number of packages or units stuffed in the container, the description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnished by the merchants, and which the carrier has no reasonable means of checking and is not a part of this Bill of Lading contract. The goods shall be transported to such place as agreed, authorized or permitted herein and subject to all the terms and condition whether written, stamped, printed or incorporated on the front and reverse side hereof which the Merchant agrees to be bound by accepting this Bill of Lading, and local privileges and custom notwithstanding in WITNESS whereof one (1) original Bill of Lading has been signed if not otherwise stated below, (the same being accomplished the other(s), any, to be void, if required by this Bill of Lading must be surrendered duly endorsed and receipted for the goods or delivery order.	
NOTIFY PARTY (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE) (It is agreed that no responsibilities shall be attached to the carrier or his agents for failure notify)		COPY NON-NEGOTIABLE	
SAME AS CONSIGNEE		No. of Original Bills of Lading THREE (03)	
PRE-CARRIAGE BY*		PLACE OF RECEIPT*	
(INTENDED) VESSEL VOYAGE STADT RATZBURG V 0751N		PORT OF LOADING HAIPHONG, VIETNAM	
PORT OF DISCHARGE PUSAN KOREAN PORT		PLACE OF DELIVERY* PUSAN KOREAN PORT	
PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER BUT NOT ACKNOWLEDGED BY CARRIER			
CONTAINER NO./SEAL NO. MARKS & NUMBERS	QUANTITY (FOR CUSTOMERS DECLARATION ONLY)	DESCRIPTION OF GOODS (SAID TO CONTAIN)	MEASUREMENT (CU METRES)
AMFU851103 / 132 / 101	232 CTNS	SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL. 21X40HC CONTAINER S. T. C. BAMBOO BASKETS ORIGIN: VIETNAM 232 CARTONS = 2,320 SETS NW = 5,568 KGS GW = 6,032 KGS	57.240
		CLEAN ON BOARD STADT RATZBURG V 0751N 18TH DEC, 2007 CY/CY	
SURRENDERED			
TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGE (IN WORD) ONE CONTAINER ONLY			
FREIGHT & CHARGES		RATE	
FREIGHT PREPAID			
EXCESS VALUE DECLARATION		PREPAID AT	
		PAYABLE AT HAIPHONG	
TEMPERATURE CONTROL INSTRUCTION			
SIGNED BY / ON BEHALF OF THE CARRIER			
PLACE OF ISSUE HAIPHONG, VIETNAM			
DATE OF ISSUE 18TH DEC, 2007			
SHANDONG PROVINCE YANTAI INTERNATIONAL MARINE SHIPPING CO.			
LADEN ON BOARD OF VESSEL DATE BY SYMS STANDARD FORM 02			

Căn cứ vào quyền chuyển nhượng sở hữu hàng hoá ghi trên vận đơn

- Vận đơn đích danh (straight bill of lading)
- Vận đơn vô danh hay còn gọi là vận đơn xuất trình (bill of lading to bearer)
- Vận đơn theo lệnh (bill of lading to order of...)

PHÂN LOẠI

Straight B/L

- Ghi rõ tên và địa chỉ người nhận hàng
- Hàng chỉ được giao cho người có tên trong B/L
- Không thể chuyển nhượng

Bearer B/L

- Không ghi rõ tên người nhận hàng, cũng không ghi rõ theo lệnh của ai
- Hàng sẽ được giao cho người xuất trình vận đơn
- Thường được chuyển nhượng bằng cách trao tay

B/L to order

- Có hoặc không ghi tên người nhận hàng, đồng thời có ghi “to order”
- Có thể chuyển nhượng bằng cách kí hậu
- Nếu không kí hậu thì chỉ có người gửi hàng mới nhận được hàng

PHÂN LOẠI

SHIPPER (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE)		BILL OF LADING NO.		
VN EXPORT, HAOI, VIETNAM http://michaelhoan.googlepages.com/		SYVHKBKV7510586		
CONSIGNEE (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE)		Port-to-Port or Combine Transport		
KR IMPORT BUSAN KOREA		BILL OF LADING		
NOTIFY PARTY (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE) (It is agreed that no responsibilities shall be attached to the carrier or his agents for failure notify)		RECEIVED by the carrier as specified below in external apparent good order and condition unless otherwise stated. The total number of packages or units stuffed in the container, the description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnished by the merchants, and which the carrier has no reasonable means of checking and is not a part of this Bill of Lading contract. The goods shall be transported to such place as agreed, authorized or permitted herein and subject to all the terms and conditions whether written, stamped, printed or incorporated on the front and reverse side hereof which the Merchant agrees to be bound by accepting this Bill of Lading, and local privileges and customs notwithstanding in WITNESS whereof one (1) original Bill of Lading has been signed if not otherwise stated below, the same being accomplished the other(s), any, to be void, if required by this carrier one (1) original Bill of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the goods or delivery order.		
SAME AS CONSIGNEE		COPY NON-NEGOTIABLE		
PRE-CARRIAGE BY*	PLACE OF RECEIPT*			
(INTENDED) VESSEL/VOYAGE STADT RATZEBURG V.0751N	PORT OF LOADING HAIPHONG, VIETNAM			
PORT OF DISCHARGE PUSAN KOREAN PORT	PLACE OF DELIVERY* PUSAN KOREAN PORT	No. of Original Bills of Lading THREE (03)		
PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER BUT NOT ACKNOWLEDGED BY CARRIER				
CONTAINER NO./SEAL NO. MARKS & NUMBERS	QUANTITY (FOR CUSTOMERS DECLARATION ONLY)	DESCRIPTION OF GOODS (SAID TO CONTAIN)	GROSS WEIGHT (KILOS)	MEASUREMENT (CU METRES)
AMFU851103/1324101	232 CTNS	SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL: 01X40'HC CONTAINER S. T. C.: BAMBOO BASKETS ORIGIN: VIETNAM 232 CARTONS = 2,320 SETS NW = 5,568 KGS GW = 6,032 KGS	6,032.00	57.240
SURRENDERED				CLEAN ON BOARD STADT RATZEBURG V.0751N 18TH DEC, 2007 CY/CY
TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGE (IN WORD)		ONE CONTAINER ONLY		
FREIGHT & CHARGES	RATE	UNIT	PREPAID	COLLECT
FREIGHT PREPAID				
EXCESS VALUE DECLARATION		PREPAID AT	PAYABLE AT HAIPHONG	
TEMPERATURE CONTROL INSTRUCTION		SIGNED BY / ON BEHALF OF THE CARRIER		
PLACE OF ISSUE HAIPHONG, VIETNAM		SHANDONG PROVINCE YANTAI INTERNATIONAL MARINE SHIPPING CO.		
DATE OF ISSUE 18TH DEC, 2007				
LADEN ON BOARD OF VESSEL DATE BY SYMS STANDARD FORM 02		(Terms continued on the back hereof, please read carefully)		

Căn cứ vào giá trị sử dụng và lưu thông

- Vận đơn gốc (original bill of lading)
- Vận đơn copy (copy of lading)

PHÂN LOẠI

SHIPPER (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE)		BILL OF LADING NO.	
VN EXPORT , HAOI, VIETNAM http://michaelhoan.googlepages.com/		SYVHKBKV7510586	
CONSIGNEE (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE)		Port-to-Port or Combine Transport	
KR IMPORT BUSAN KOREA		BILL OF LADING RECEIVED by the carrier as specified below in external apparent good order and condition unless otherwise stated. The total number of packages or units stuffed in the container, the description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnished by the merchants, and which the carrier has no reasonable means of checking and is not a part of this Bill of Lading contract. The goods shall be transported to such place as agreed, authorized or permitted herein and subject to all the terms and condition whether written, hereon stamped, printed or incorporated on the front and reverse side hereof which the Merchant agrees to be bound by accepting this Bill of Lading, and local privileges and custom notwithstanding in WITNESS whereof one (1) original Bill of Lading has been signed if not otherwise stated below. No cargo being accomplished the other(s), any, to be void, if required by the carrier one (1) original Bill of Lading must be surrendered duly endorsed in full for the goods or delivery order.	
NOTIFY PARTY (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE) (It is agreed that no responsibilities shall be attached to the carrier or his agents for failure notify)		COPY	
SAME AS CONSIGNEE		NON-NEGOTIABLE	
PRE-CARRIAGE BY*	PLACE OF RECEIPT*	No. of Original Bills of Lading	
(INTENDED) VESSEL/VOYAGE STADT RATZEBURG V 0751N	PORT OF LOADING HAIPHONG, VIETNAM	THREE (03)	
PORT OF DISCHARGE	PLACE OF DELIVERY*		
PUSAN KOREAN PORT	PUSAN KOREAN PORT		
PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER BUT NOT ACKNOWLEDGED BY CARRIER			
CONTAINER NO./SEAL NO. MARKS & NUMBERS	QUANTITY (FOR CUSTOMER'S DECLARATION ONLY)	DESCRIPTION OF GOODS (SAID TO CONTAIN)	MEASUREMENT (CU METRES)
AMFU851103 / 20101	232 CTNS	SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL 21X40'HC CONTAINER S. T. C. BAMBOO BASKETS ORIGIN: VIETNAM 232 CARTONS = 2,320 SETS NW = 5,568 KGS GW = 6,032 KGS	6,032.00 57.240
SURRENDERED		CLEAN ON BOARD STADT RATZEBURG V 0751N 18TH DEC, 2007 CYICV	
TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGE (IN WORD)		ONE CONTAINER ONLY	
FREIGHT & CHARGES	RATE	UNIT	PREPAID
FREIGHT PREPAID			COLLECT
EXCESS VALUE DECLARATION		PREPAID AT	PAYABLE AT
			HAIPHONG
TEMPERATURE CONTROL INSTRUCTION		SIGNED BY / ON BEHALF OF THE CARRIER	
PLACE OF ISSUE HAIPHONG, VIETNAM		SHANDONG PROVINCE YANTAI INTERNATIONAL MARINE SHIPPING CO.	
DATE OF ISSUE 18TH DEC, 2007			
LADEN ON BOARD OF VESSEL DATE BY SYMS STANDARD FORM 02			

(Terms continued on the back hereof, please read carefully)

Căn cứ vào tình trạng xếp dỡ hàng hóa

- Vận đơn đã xếp hàng (shipped on board bill of lading)
- Vận đơn nhận hàng để xếp (received for shipment bill of lading)

HÌNH THỨC



山东省烟台国际海运公司
SHANDONG PROVINCE YANTAI INTERNATIONAL MARINE SHIPPING CO., LTD.

Có thể được phát hành dưới dạng giấy hoặc bằng dữ liệu điện tử

SHIPPER (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE) VN EXPORT, HAOI, VIETNAM http://michaelhoan.googlepages.com/		BILL OF LADING NO. SYVHKBKV7510586	
CONSIGNEE (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE) KR IMPORT BUSAN KOREA		Port-to-Port or Combine Transport BILL OF LADING	
NOTIFY PARTY (COMPLETE NAME ADDRESS AND PHONE) (It is agreed that no responsibilities shall be attached to the carrier or his agents for failure notify) SAME AS CONSIGNEE		RECEIVED by the carrier as specified below in external apparent good order and condition unless otherwise stated. The total number of packages or units stuffed in the container, the description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnished by the merchants, and which the carrier has no reasonable means of checking and is not a part of this Bill of Lading contract. The goods shall be transported to such place as agreed, authorized or permitted herein and subject to all the terms and condition whether written, here stamped, printed or incorporated on the front and reverse side hereof, which the Merchant agrees to be bound by accepting this Bill of Lading, and local privileges and customs notwithstanding in WITNESS whereof one (1) original Bill of Lading has been signed if not otherwise stated below, the same being accomplished the other(s), any, to be void, if required by the carrier one (1) original Bill of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the goods or delivery order.	
PRE-CARRIAGE BY*	PLACE OF RECEIPT*	COPY NON-NEGOTIABLE No. of Original Bills of Lading THREE (03)	
(INTENDED)-VESSEL/VOYAGE STADT RATZBURG V.0751N	PORT OF LOADING HAIPHONG, VIETNAM		
PORT OF DISCHARGE PUSAN KOREAN PORT	PLACE OF DELIVERY* PUSAN KOREAN PORT		
PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER BUT NOT ACKNOWLEDGED BY CARRIER			
CONTAINER NO./SEAL NO. MARKS & NUMBERS AMFU851103 / 2001	QUANTITY FOR CUSTOMERS DECLARATION ONLY) 232 CTNS	DESCRIPTION OF GOODS (SAID TO CONTAIN) SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL: 01X40'HC CONTAINER S. T. C.: BAMBOO BASKETS ORIGIN: VIETNAM 232 CARTONS = 2,320 SETS NW = 5,568 KGS GW = 6,032 KGS	GROSS WEIGHT (KILOS) 6,032.00 MEASUREMENT (CU METRES) 57.240 CLEAN ON BOARD STADT RATZBURG V.0751N 18TH DEC, 2007 C/ICY
TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGE (IN WORDS) ONE CONTAINER ONLY		SURRENDERED	
FREIGHT & CHARGES	RATE	UNIT	PREPAID
FREIGHT PREPAID		COLLECT	
EXCESS VALUE DECLARATION		PREPAID AT	PAYABLE AT HAIPHONG
TEMPERATURE CONTROL INSTRUCTION		SIGNED BY / ON BEHALF OF THE CARRIER SHANDONG PROVINCE YANTAI INTERNATIONAL MARINE SHIPPING CO., LTD.	
PLACE OF ISSUE HAIPHONG, VIETNAM		DATE OF ISSUE 18TH DEC, 2007	
LADEN ON BOARD OF VESSEL DATE BY SYMS STANDARD FORM 02		(Terms continued on the back hereof, please read carefully)	

Do các hãng tàu tự lựa chọn và phát hành

Thông thường, vận đơn được phát hành theo bản gốc (Original) và các bản sao (Copy). Một bộ vận đơn thường có 03 bản gốc như nhau

Vận đơn bao giờ cũng bao gồm hai mặt (trừ vận đơn điện tử – E.B/L)

NỘI DUNG

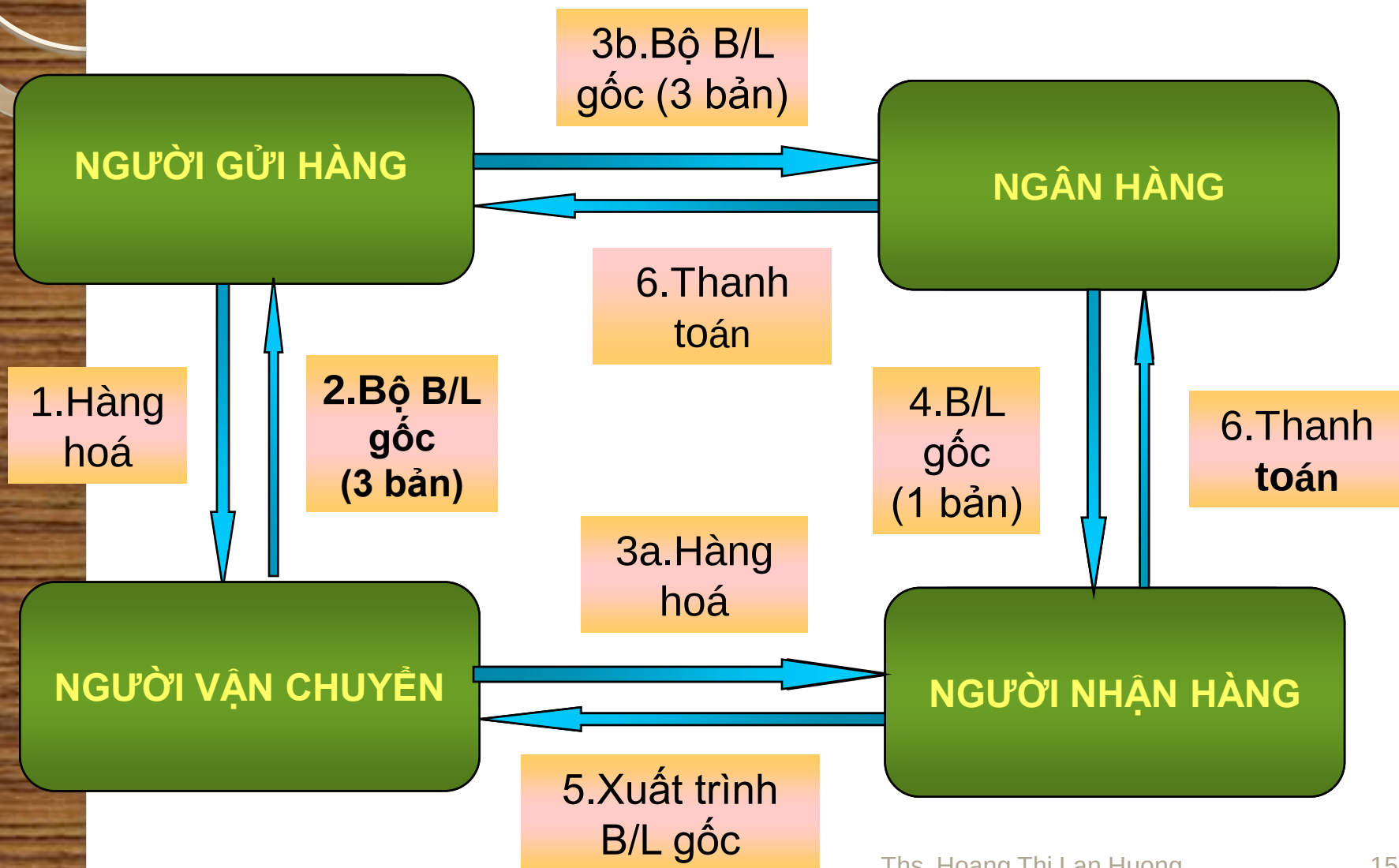
● MẶT TRƯỚC

- Mặt trước bao gồm các ô, cột, dòng in sẵn để điền những thông tin cần thiết khi sử dụng
- Do người xếp hàng điền vào trên cơ sở số liệu trên biên lai thuyền phó

● MẶT SAU

- Gồm những quy định có liên quan đến vận chuyển do hãng tàu in sẵn
- Người thuê tàu không có quyền bổ sung hay sửa đổi mà mặc nhiên phải chấp nhận

QUY TRÌNH CHUYỂN GIAO B/L



KIỂM TRA VẬN ĐƠN

Vận đơn
hợp lệ

Hình thức

Nội dung

Một số vấn
đề khác

Các bất hợp lệ
thường gặp

VẬN ĐƠN HỢP LỆ



Bỏ qua những yêu cầu khác, thông thường một bộ chứng từ chỉ được các ngân hàng chấp nhận thanh toán khi có vận đơn hợp lệ

❖ Trường hợp hợp đồng mua bán và tín dụng thư không quy định về chứng từ vận tải:

Vận đơn được coi là hợp lệ khi tuân thủ các qui tắc quốc tế điều chỉnh

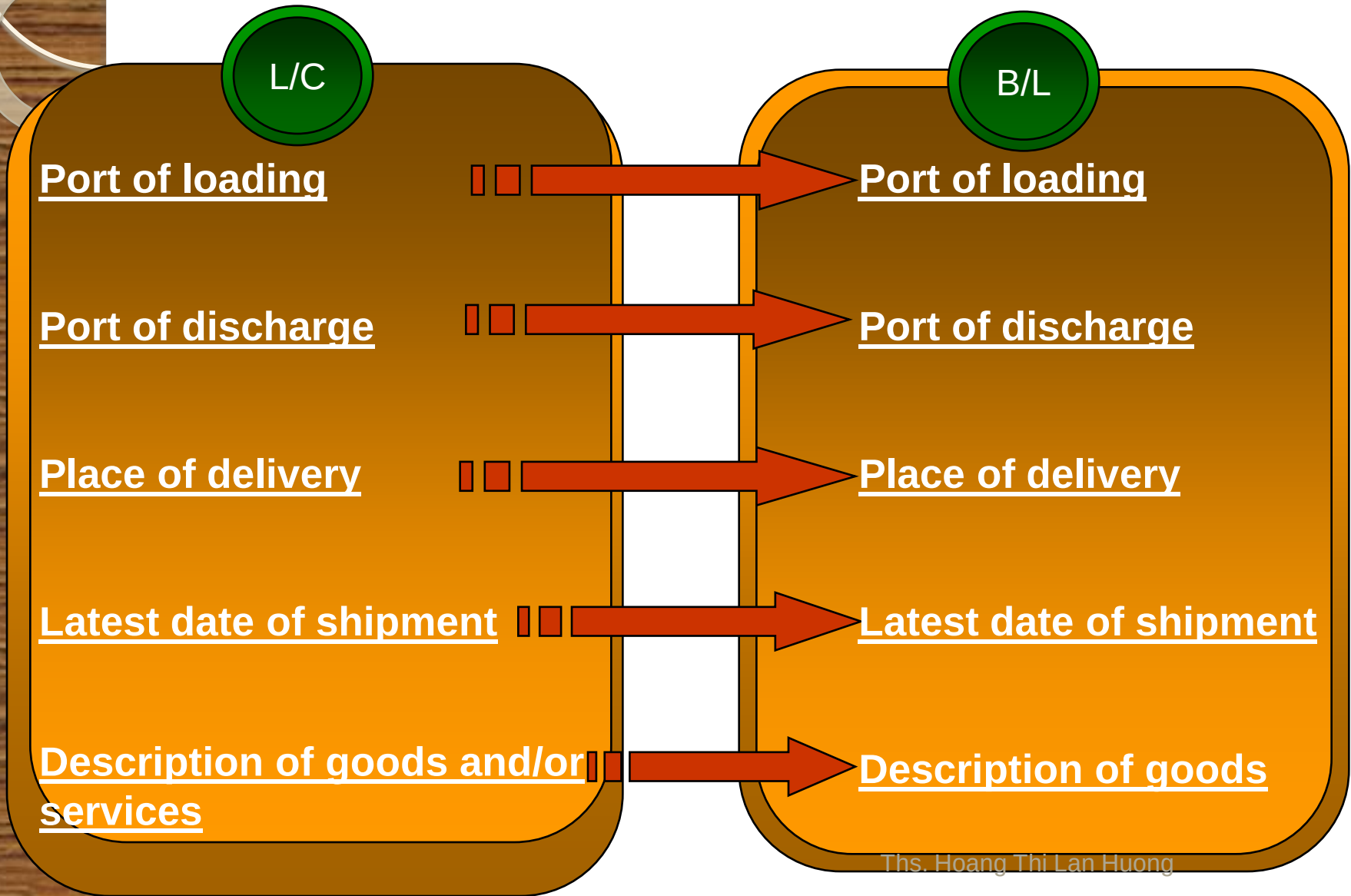
❖ Trường hợp tín dụng thư có quy định về chứng từ vận tải:

Vận đơn phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tín dụng thư về hình thức, nội dung, số bản gốc, các thông tin trên chứng từ

HÌNH THỨC

- ➡ Vận đơn được làm thành văn bản và do người vận chuyển phát hành
- ➡ Ngôn ngữ sử dụng trong vận đơn phải là ngôn ngữ thống nhất (thường sử dụng tiếng Anh)
- ➡ Hình thức không quyết định giá trị pháp lý của vận đơn

NỘI DUNG



NỘI DUNG

L/C

Full (3/3) set of original and 01 photocopy of signed clean shipped on board ocean bill of lading made out to order of ..., marked 'freight prepaid' and 'thc prepaid', notify...

B/L

No. of Original Bills of lading: THREE(3)

Clean on board

Consignee : TO ORDER OF...

Freight&charges :
FREIGHT
PREPAID/COLLECT

Notify party: ...

LƯU Ý

1

Bộ vận đơn gốc phát hành

2

Chữ kí và người ký vận đơn

3

Tính hoàn hảo của vận đơn

4

Sửa chữa và thay đổi

LƯU Ý

1

Bộ vận đơn gốc phát hành

- ❖ Số lượng các bản gốc phát hành phải được thể hiện cụ thể trên vận đơn
- ❖ Vận đơn gốc là vận đơn được lập hoặc thể hiện là được lập bằng các phương pháp theo quy định (đánh máy, viết tay) hay mẫu chứng từ chính thức của người phát hành
- ❖ Mỗi bộ vận đơn thường có 3 bản gốc như nhau. Khi thanh toán tiền hàng, người bán phải xuất trình trọn bộ vận đơn gốc

94026/1

BILL OF LADING

Shipper: VN EXPORT
HANOI, VIETNAM

Consignee: SEOUL, KOREA

BL No. HASL51BCD97AA03

HEUNG-A SHIPPING CO., LTD

Received by the Carrier from the Shipper in apparent good order and condition unless otherwise indicated herein, the Goods, or the units or packages said to contain the cargo herein mentioned, to be carried subject to all the terms and conditions provided for on the face and back of this Bill of Lading.

ORIGINAL

Pre-carriage by: HAIPHONG VIETNAM PORT

HEUNG-A HONGKONG 719N HIROSHIMA JAPANESE PORT

HAIPHONG VIETNAM PORT HIROSHIMA JAPANESE PORT

DES05022762/735895

Number of Containers: 400 (400 CARTONS)

Kind of packages: SHIPPER LOAD STOWAGE & COUNT

SAID TO BE:

03-3361 BAMBOO BASKET

03-3362 BAMBOO BASKET

03-3363 BAMBOO BASKET

03-3364 BAMBOO BASKET

ORIGIN VIETNAM

03-3361, 03-3362, 03-3363 AND 03-3364:

400 CARTONS=12,000 PCS NW=5,600 KGS, GW=6,400, MEAS=56.00 CBM

SHIPMENT HAVE BEEN ISSUED BY VIETFRACHT

TEL: 84 4 9 424487 FAX: 84 4 9 220599

CLEAN ON BOARD

30/09/2007

VIETFRACHT HANOI
AS AGENT FOR
THE CARRIER HEUNG-A SHIPPING CO., LTD

Freight collect

Total No. of containers or packages (in words): SAY : PART OF ONE (1) CONTAINER ONLY. -

Freight and charges	Revenue tons	Rate	Per	Prepaid	Collected
"AS ARRANGED"					

Freight prepaid at: HIROSHIMA JAPANESE PORT

Place and date of issue: HANOI, VIETNAM 2007/09/30

Total prepaid in: NO. of original B/L / L THREE / 3

Shipped on board (date & others): HEUNG-A HONGKONG 719N HAIPHONG VIETNAM PORT

Signature: Heung-A Shipping Co., Ltd. AS AGENT FOR

by: THE CARRIER

Revised 01/05/2005 VIETNAM

LƯU Ý

2

Chữ kí và người ký vận đơn

- Trên bề mặt của vận đơn phải có tên của người vận chuyển (as the carrier)
- Trên các tờ vận đơn gốc phải có chữ kí của người vận chuyển hoặc những người được phép kí theo qui định
 - Người vận chuyển
 - Đại lý của người vận chuyển
 - Thuyền trưởng
 - Đại lý thay mặt thuyền trưởng

8403641

BILL OF LADING

Shipper: VN EXPORT
HANOI, VIETNAM

Consignee: SEOUL KOREA

B/L No. HASL51BCD97AA03

HEUNG-A SHIPPING CO., LTD

Received by the Carrier from the Shipper in apparent good order and condition unless otherwise indicated herein, the Goods, or the materials or packages) said to contain the cargo herein mentioned, to be carried subject to all the terms and conditions provided for on the face and back of this Bill of Lading by the vessel named herein or any substitute of the Carrier's option and/or other means of transport, from the place of receipt or the port of loading to the port of discharge on the place of delivery shown herein and there to be delivered unto order or assigns.

ORIGINAL

Pre-carriage by: HAIPHONG VIETNAM PORT

HEUNG-A HONGKONG 719N HIROSHIMA JAPANESE PORT

HAIPHONG VIETNAM PORT HIROSHIMA JAPANESE PORT

DESU5022762/735895 Marks and Numbers

Number of Containers: 40 HQ X 1 (400 CARTONS)

Kind of packages: SHIPPER LOAD STOWAGE & COUNT SAID TO BE: 03-3361 BAMBOO BASKET 03-3362 BAMBOO BASKET 03-3363 BAMBOO BASKET 03-3364 BAMBOO BASKET

Weight: 6,400.000 KGS Measure: 56.000 CBM

ORIGIN VIETNAM 03-3361, 03-3362, 03-3363 AND 03-3364: 400 CARTONS=12,000 PCS NW=5,600 KGS, GW=6,400, MEAS=56.00 CBM

SHIPMENT HAVE BEEN ISSUED BY VIETFRACHT

TEL: 84 4 9 424487 FAX: 84 4 9 220599

CLEAN ON BOARD 30/09/2007

VIETFRACHT HANOI AS AGENT FOR THE CARRIER HEUNG-A SHIPPING CO., LTD

Freight Collect

SAY: PART OF ONE (1) CONTAINER ONLY.

Freight and charges	Revenue rate	Rate	Per	Prepaid	Collect
"AS ARRANGED"					

Freight prepaid at: HIROSHIMA JAPANESE PORT

Total prepaid in: NO. of original B/L / L THREE / 3

Shipped on board (date & others): HEUNG-A HONGKONG 719N HAIPHONG VIETNAM PORT

Revised 01/05/2005 VIETNAM

HANOI, VIETNAM 2007/09/30

Signature: Heung-A Shipping Co. Hanoi AS AGENT FOR THE CARRIER

LƯU Ý

3

Tính hoàn hảo của vận đơn

- ❖ Vận đơn hoàn hảo là vận đơn không có phê chú xấu về hàng hóa cũng như tình trạng hàng hóa lúc giao
- ❖ Ngân hàng chỉ chấp nhận thanh toán tiền hàng khi vận đơn là hoàn hảo

BILL OF LADING	
Shipper VN EXPORT HANOI, VIETNAM	B/L No. HASL51BCD97AA03  HEUNG-A SHIPPING CO., LTD
Consignee SEOUL KOREA	Received by the Carrier from the Shipper in apparent good order and condition unless otherwise indicated herein, the Goods, or the material or packages used to contain the cargo herein mentioned, to be carried subject to all the terms and conditions provided for on the face and back of this Bill of Lading by the vessel named herein or any substitute at the Carrier's option and/or other means of transport, from the place of receipt or the port of loading to the port of discharge or the place of delivery shown herein and then to be delivered unto order or assigns.
AS SAME AS CONSIGNEE	
Pre-carriage by PHAI PHONG VIETNAM PORT	
HEUNG-A HONGKONG	VIROSHIMA JAPANESE PORT
PHAI PHONG VIETNAM PORT	
UESU5022762/135895 Container Number	40 HQ X 1 (400 CARTONS)
SHIPPER LOAD STOWAGE & COUNT SAID TO BE: 03-3361 BAMBOO BASKET 03-3362 BAMBOO BASKET 03-3363 BAMBOO BASKET 03-3364 BAMBOO BASKET ORIGIN VIETNAM 03-3361, 03-3362, 03-3363 AND 03-3364: 400 CARTONS=12,000 PCS MW=5,600 KGS, GW=6,400, MEAS=56.00 CBM SHIPMENT HAVE BEEN ISSUED BY VIETFRACHT TEL: 84 4 9 424487 FAX: 84 4 8 220599 CLEAN ON BOARD 30/09/2007	
VIETFRACHT HANOI AS AGENT FOR THE CARRIER HEUNG-A SHIPPING CO., LTD	
" FREIGHT COLLECT " SAY : PART OF ONE (1) CONTAINER ONLY. -	
Freight and charges	Revenue tons
Rate	Per
Prepaid	Collect
"AS ARRANGED"	
Freight prepaid at	Freight payable at
HIROSHIMA JAPANESE PORT	HANOI, VIETNAM 2007/09/30
Total prepaid in	NO. of original B/L / L
THREE / 3	Signature
Shipped on board (date & others)	Heung-A Shipping Co., Ltd.
HEUNG-A HONGKONG 719N	AS AGENT FOR
HAIPHONG VIETNAM PORT	by
AS THE CARRIER	THE CARRIER HEUNG-A SHIPPING CO., LTD
Revised 01/05/2005 VIETNAM	

LƯU Ý

4

Sửa chữa và thay đổi

❖ Những thay đổi và sửa chữa trên vận đơn chỉ được ngân hàng chấp nhận khi có xác nhận của một trong những người sau:

- Người vận chuyển
- Đại lý của người vận chuyển
- Thuyền trưởng
- Đại lý thay mặt thuyền trưởng

840364/

BILL OF LADING

Shipper: VN EXPORT
HANOI, VIETNAM

Consignee: SEOUL, KOREA

No. ~~SAME~~ AS CONSIGNEE

Pre-carriage by: PHAI PHONG VIETNAM PORT

On: HEUNG-A HONGKONG 719N | PHAI PHONG VIETNAM PORT | HIROSHIMA JAPANESE PORT

Final destination for the Merchant: HIROSHIMA JAPANESE PORT

UHS05022762/735895
Number of Packages: 400
Description of goods: SHIPPER LOAD STOWAGE & COUNT
SAID TO BE:
03-3361 BAMBOO BASKET
03-3362 BAMBOO BASKET
03-3363 BAMBOO BASKET
03-3364 BAMBOO BASKET
ORIGIN VIETNAM
03-3361, 03-3362, 03-3363 AND 03-3364:
400 CARTONS=12,000 PCS MEAS=5,600 KGS,
GW=6,400, MEAS=56.00 CBM
SHIPMENT HAVE BEEN ISSUED BY VIETFRACHT
TEL: 84 4 9 424487 FAX: 84 4 8 220599
CLEAN ON BOARD
30/09/2007

VIETFRACHT HANOI
AS AGENT FOR
THE CARRIER HEUNG-A SHIPPING CO., LTD

Freight Collect

Total No. of containers or packages (in words): SAY : PART OF ONE (1) CONTAINER ONLY.-

Freight and charges	Revenue tons	Rate	Per	Prepaid	Collect
					"AS ARRANGED"

Freight prepaid at: HIROSHIMA JAPANESE PORT

Freight payable at: HANOI, VIETNAM 2007/09/30

Total prepaid in: NO. of original B/L: L THREE / 3

Shipped on board (date & others):
HEUNG-A HONGKONG 719N
PHAI PHONG VIETNAM PORT

Signature: Heung-A Shipping Co., Ltd.
AS AGENT FOR
by: AS THE CARRIER
THE CARRIER HEUNG-A SHIPPING CO., LTD

Revised 01/05/2005 VIETNAM

SAI SÓT VÀ BẤT HỢP LỆ THƯỜNG GẶP

- ❖ Tên, địa chỉ và các thông tin khác về người gửi hàng, người nhận hàng, người được thông báo không phù hợp theo quy định của L/C
- ❖ Các thay đổi bổ sung trên vận đơn không có xác nhận của người lập (chữ kí và con dấu)
- ❖ Vận đơn thiếu tính xác thực do người lập vận đơn không nêu rõ tư cách pháp lý đối với trách nhiệm chuyên chở lô hàng này
- ❖ Số L/C và ngày mở L/C không chính xác
- ❖ Các điều kiện đóng gói và mã hiệu hàng hóa không đúng theo quy định của L/C
- ❖ Số hiệu container hay lô hàng không khớp với các chứng từ khác như chứng từ bảo hiểm, hóa đơn

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Người chuyên chở và tàu không chịu trách nhiệm về những mất mát hư hỏng hàng hoá gây ra bởi:

- ❖ Hành vi, sơ suất hay khuyết điểm của thuyền trưởng, thủy thủ, hoa tiêu hay người giúp việc cho người chuyên chở trong việc điều khiển hay quản trị tàu
- ❖ Bao bì không đầy đủ
- ❖ Hoả hoạn, trừ khi do lỗi lầm thực sự hay hàng động cố ý của người chuyên chở gây ra
- ❖ Những tai hoạ, nguy hiểm hoặc tai nạn trên biển, sông nước
- ❖ Cứu hay mưu toan cứu sinh mệnh và tài sản trên biển
- ❖ Đình công hay bế xưởng, đình chỉ hay cản trở lao động bộ phận hay toàn bộ không kể vì lý do gì

.....



Mẫu B/L

Ký hậu B/L-Endorsement

- Chuyển nhượng quyền sở hữu hàng hóa
- Gồm có:
 - *Ký hậu đích danh*: chỉ người hưởng lợi có tên trên vận đơn nắm quyền sở hữu hàng hóa
 - *Ký hậu theo lệnh*: người được nhượng quyền sở hữu có thể tiếp tục ký hậu
 - *Ký hậu để trống*: ai cầm vận đơn cũng có quyền sở hữu hàng hóa
 - *Ký hậu truy đòi/miễn truy đòi*: ràng buộc/không ràng buộc trách nhiệm của người ký hậu với người cầm vận đơn sau cùng

Sea Waybills

- Biên lai gửi hàng đường biển
- Có chức năng tương tự như Vận đơn
- Được gửi theo cùng hàng hóa trên tàu
- Tuy nhiên, Sea Waybills không phải là chứng từ sở hữu hàng hóa
- ➔ **Non-negotiable** Sea Waybills

AWB - Air Waybills

- Chức năng tương tự như B/L và SWB
- Khi hàng tới sân bay, hãng hàng không thông báo cho người nhận hàng, không cần xuất trình AWB
- Không phải chứng từ sở hữu hàng hóa
- ➡ ***Non-negotiable***

Certificate of Insurance



Ths. Hoang Thi Lan Huong

C/I – Certificate of Insurance

- **1 số thuật ngữ:**

- người bảo hiểm (Insurer, Underwriter, Insurance Company)
- người được bảo hiểm (Insured, Assured)
- đối tượng bảo hiểm (Subject matter insured)
- rủi ro được bảo hiểm (Risk insured)
- phí bảo hiểm (Insurance premium)
- giá trị bảo hiểm (Insured value)
- số tiền bảo hiểm (Insured amount)

Bảo hiểm đơn cho hàng hoá vận chuyển

Là chứng từ bảo hiểm được lập trên cơ sở hợp đồng bảo hiểm.

Nội dung chủ yếu:

- Bên bảo hiểm-Bên được bảo hiểm
- Ngày & nơi lập bảo hiểm
- Số tiền được bảo hiểm
- Hàng hoá được bảo hiểm
- Tên tàu, chi tiết chuyến vận chuyển
- Điều kiện bảo hiểm
- Nơi trả tiền bồi thường
- Số bản gốc bảo hiểm đơn được lập
- Chữ ký của bên bảo hiểm hoặc đại lý

Loại C/I

- Hợp đồng bảo hiểm bao (Open policy)
- Hợp đồng bảo hiểm đơn (Insurance policy)
- Giấy chứng nhận bảo hiểm (Chứng thư bảo hiểm – Insurance Certificate)

Bảo hiểm đơn



BAOViet INSURANCE

Head Office: 56 Hai Bà Trưng St., Hanoi, Vietnam
Tel: (84-4) 503 4183 Fax: (84-4) (33) 4154

ORIGINAL

Tel: 048254922, 8246971 Fax: 048257339

CARGO INSURANCE POLICY

No. VP.D18.HX.08.HD257

THIS POLICY OF INSURANCE witnesses that in consideration of a premium, as agreed, being paid to BAOVIET Insurance by the Assured for own account or the Assignee or others, the Insurer makes insurance on the following goods, subject to the General Conditions of Marine Cargo Insurance as printed overleaf and the condition and/or clauses as specified hereinafter or annexed hereto or written hereon:

NAME OF ASSURED IMPORTADORA VALENCIA S.A. VALENCIA SPAIN		
Name and/or No. of Vessel/Flight : NAN FENG CHAN 4620E		Documentary Credit (L/C) No. 0615314679500 REF NUMBER EXP 3/21
B/L No. 8HPHVLC410848		Contract No. 01/PNHE/2008
From : HAIPHONG PORT IN VIETNAM		To: VALENCIA PORT, SPAIN
Sailing on or about: 15/03/2008		
Subject Matter Insured: 424 BUNDLES = 83,718 PCS BAMBOO BASKETS NW: 5,512 KGS; GW: 6,360 KGS IN 01X40' GP CONTAINER		
Sum Insured: 110%CIF: USD 23 195.30	Premium	VAT
Premium Rate:	Total Amount:	
Conditions or special coverage COVERING INSTITUTE CARGO CLAUSES (A) (1.1.82) PLUS SRCC, WITHOUT FRANCHISE. CLAIMS MUST BE PAYABLE IN TO THE ORDER OF APPLICANT, STATING AGENT'S COMPANY REPRESENTATIVE IN SPAIN		

In the event of loss or damage apply for survey to
MACDREWS S.A. DOCTOR JUAN JOSE DOMINE No1-4
46011 VALENCIA SPAIN
TEL: (34)-96 3241400; FAX: (34)- 96 3241401
Claim payable in
VALENCIA SPAIN
By
BAOViet INSURANCE CORPORATION

Issued in Hanoi on 15/03/2008
BAOViet INSURANCE CORPORATION
HEAD OFFICE



Phạm Anh Tuấn

In case of loss or damage please refer to the "IMPORTANT" notice printed on the back hereof and act accordingly

Ths. Hoang Thi Lan Huong

Chứng thư bảo hiểm

- ***Chứng thư bảo hiểm***: Là chứng từ do người bảo hiểm cấp cho người được bảo hiểm để xác nhận hàng hóa đã được mua bảo hiểm theo điều kiện hợp đồng.
- Chứng thư bảo hiểm cho phép bên được bảo hiểm chuyển nhượng quyền đòi bồi thường bảo hiểm bằng cách ký hậu chuyển nhượng
- Chứng thư bảo hiểm không có giá trị pháp lý bằng hợp đồng bảo hiểm

Giới thiệu cách tính phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm: $I = \text{Số tiền bảo hiểm} \times R$

Số tiền bảo hiểm có thể là : - CIF hay (CIF + 10%)
- FOB hay (FOB + 10%)
- CFR hay (CFR + 10%)

Số tiền bảo hiểm theo công thức : $\text{CIF} = \text{C} + \text{F} / 1 - R$

Trong đó : C = FOB : giá hàng.

F : cước phí vận tải

R : tỷ lệ phí bảo hiểm. ($R = R1 + R2$)

R1: tỷ lệ phí chính & R2 : tỷ

lệ phụ phí

Trường hợp phát sinh phụ phí tàu già (hàng nguyên chuyển và tàu trên 15 tuổi):

I tàu già = Số tiền bảo hiểm x R tàu già

Tỷ lệ phí áp dụng theo biểu phí tính theo tuổi tàu của Hiệp Hội bảo hiểm London.

C/I (tiếp)

- **Lưu ý khi sử dụng C/I**
- Cần có điều khoản chuyển nhượng C/I: người mua bảo hiểm khác với người thụ hưởng (ví dụ CIF hoặc CIP)
- Người mua bảo hiểm phải ký hậu để đảm bảo an toàn cho NH mở L/C (ví dụ FOB hoặc CFR: nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm mua bảo hiểm)
- Tất cả bản gốc C/I phải được xuất trình, C/I phải được ký
- Ngày hiệu lực của C/I: không được muộn hơn ngày giao hàng
- Condition A - All risks: bao gồm rủi ro từ bên ngoài như thiên tai, sự cố bất ngờ, tổn thất trong bốc dỡ, chuyển tải; không bao gồm khuyết tật vốn có của hàng hóa, chiến tranh, đình công...

Commercial Invoice

- Là chứng từ do người bán lập đòi tiền người mua
- Là cơ sở cho việc tính thuế XNK và tính số tiền bảo hiểm
- Là công cụ tài trợ cho hoạt động XNK: khi hóa đơn đã được chấp nhận trả tiền
- Là căn cứ để đối chiếu và theo dõi việc thực hiện hợp đồng thương mại
- Không nhất thiết phải được ký

MẪU CHUNG

1. Tên và địa chỉ nhà XK
2. Tên và địa chỉ nhà NK
3. Số tham chiếu, cơ sở tính thuế, nơi và ngày tháng phát hành.
4. Điều kiện cơ sở giao hàng
5. Ký hiệu mã hàng hóa
6. Mô tả hàng hóa
7. Số lượng hàng hóa
8. Tổng số tiền nhà NK phải trả
9. Chi tiết về cước vận chuyển và phí bảo hiểm
10. Chữ ký của nhà XK

INVOICE				
Seller: (1)		Invoice No. and Date: (3)		
		Seller's Reference:		
		Buyer's Reference:		
Consignee: (2)		Buyer (if not Consignee):		
Country of Origin of Goods:		Country of Destination:		
Terms of Delivery and Payment: (4)		Vessel/Aircraft etc.:		
		:		
Marks and numbers	Numbers and Kind of Packages; Description of Goods	Quantity	Price	Amount (State Currency)
(5)	(6)	(7)		
Total (8)				
Freight and Insurance: (9)		Name of Signatory:		
		Place and Date of Issue: (3)		
It is hereby certified that this invoice shown the actual price of the goods described,that no other invoice has been issued,and that all particulars are true and correct.		Signature: (10)		

MEDIA NYLON COMPANY LIMITED

Room 2203, ,Shun Tak Centre, central,.

Tel:2858 3266

Fax:2858 3193

INVOICE

To: CHIHA JOINT STOCK COMPANY
ADD:MINH KHAI, LA PHU,HOAI DUC,
HA TAY,VIET NAM

Marks:
NYLON 6 DTY

Contract No.: 08MDEY127

Invoice No.: 08EY-125

Shipped per:BO SHI JI 362/V.080315000000

Sailing date: MAR 15,2008

From: JIANGMEN,CHINA

To: HAIPHONG PORT,VIETNAM

Description

Quantity

Unit Price

Amount

“DRAWN UNDER BANK FOR AGRICULTURE HATAY BRANCH, CREDIT
NUMBER.2200ILS080300021 DATED MAR 07,2008.”

USD

USD

CIF HAIPHONG PORT,VIETNAM ,INCOTERMS 2000

NYLON STRETCH YARN

DTY 78DTEX/24F/1/SD'Z' B GRADE

7,004.86 KGS 3.24 22,695.75

7,004.86 KGS 22,695.75

MANUFACTURER : MEIDA NYLON COMPANY LIMITED

ORIGIN : CHINA

DOLLARS TWENTY TWO THOUSANDS SIX HUNDRED NINETY FIVE AND CENTS SEVENTY FIVE ONLY.

Ths. Hoang Thi Lan Huong

C/O – Certificate of Origin

- **Giấy chứng nhận xuất xứ**
- **Chỉ ra xuất xứ của hàng hóa.**
- **Có thể do phòng thương mại của nước xuất khẩu cấp**
- **Có thể do người xuất khẩu tự cấp**

Tác dụng của C/O

Xác định mức thuế nhập khẩu

Nhằm mục đích chính trị và xã hội

Nhằm mục đích thị trường

Phân loại C/O

Form P

- Giấy chứng nhận đơn thuần về hàng hóa

Form A

- Thực hiện chế độ ưu đãi phổ cập - **GSP**

Form O

- Riêng cho Café, trong **ICO**

Form T

- Mặt hàng may mặc gia công

Form D

- Thực hiện trong hệ thống ưu đãi có hiệu lực chung – **CEPT** trong ASEAN

Form B

- Dùng cho tất cả các nước

MẪU CHUNG

1. Người gửi
2. Người nhận
3. Phương tiện vận
4. Ghi chú
5. Mã và số hiệu
6. Tên hàng
7. Trọng lượng hoặc số lượng
8. Số hóa đơn
9. Chứng nhận của phòng thương mại.
10. Chữ ký của nhà XK

1.Exporter		Certificate No.			
2.Consignee		CERTIFICATE OF ORIGIN OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA			
3.Means of transport and route		5.For certifying authority use only			
4.Country/region of destination					
6.Marks and numbers	7.Number and kind of packages;description of goods	8.H.S.Code	9.Quantity	10.Number and date of invoices	
11.Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct,that all the goods were produced in and that they comply with the Rules of Origin of the People's Republic of Place and date,signature and stamp of authorized signatory		12.Certification It is hereby certified that the declaration by the exporter is correct. Place and date,signature and stamp of certifying authority			

1. Người gửi – Cosignor		Reference Number	
2. Người nhận – Cosignee		GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ <u>CERTIFICATE OF ORIGIN</u> Issued in	
3. Vận tải – Means of Transport		4. Ghi chú - Remark	
5. Mã và số hiệu Mark and Number	6. Tên hàng Description of Goods	7. Trọng lượng hoặc Số lượng – Weight/Quantity	8. Số hòa đơn Number of Invoice
9. Phòng Thương mại và Công nghiệp VN chứng nhận hàng hóa kê trên có xuất xứ VN. The Chamber of Commerce and Industry of Vietnam hereby certifies that the above mentioned goods are of Vietnamese origin. Chamber of Commerce and Industry of signed..... Authorized signature Cấp tại....., ngày....tháng.....năm.....			

1 số chứng từ hàng hóa khác

- Packing list
- Certificate of Quality
- Certificate of Quantity
- Certificate of Weight
- Certificate of Inspection
- Sanitary Certificate

PACKING LIST

NO.16/VN-KI/2006

DATE.DEC.,26TH 2006

THE SELLER:

VN EXPORT CO., LTD

HANOI, VIETNAM

THE BUYER:

KOREAN IMPORT

SALE CONTRACT NO:

10/VN-HN/2007 DATED FAB.,14TH 2007

DISPATCH FROM:

HAIPHONG VIETNAM PORT

FOR TRANSPORTATION TO:

HIROSHIMA JAPANESE PORT

CONTAINER / SEAL NO:

HALU123456 / 123456

B/L NO:

HASL456ABCD146

L/C NO:

MDL1506RS123456

DECRPTION OF GOODS:

GENERAL MERCHANDISE

03-3404 BAMBOO TRAY

03-3405 BAMBOO BASKET

ITEM NUMBER	QUANTITY OF CARTON S	QUANTITY PER ITEM (PCS)	NET WEIGHT (KGS)	GROSS WEIGHT (KGS)	MEASUREMENT (CBM)
03-3404 (PN- MA9738)	75	3,000 PCS	1,350 KGS	1,500 KGS	10.50 CBM
03-3405 (PN- MA7935)	50	2,400 PCS	900 KGS	1,000 KGS	7.00 CBM
03-3411 (PN- MA7946)	50	2,400 PCS	900 KGS	1,000 KGS	7.00 CBM
TOTAL	175 CARTONS	7,800 PCS	3,150 KGS	3,500 KGS	24.50 CMB

ABOVE GOODS ARE STUFFED INTO ONE (01) X 40' HC CONTAINER.

S.T.C : PACKED BY CARTONS

Ths. Hoang Thi Lan Huong

Giấy chứng nhận kiểm dịch

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE-FREEDOM-HAPPINESS		
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT PHYTOSANITARY CERTIFICATE				
Gửi : Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF KOREA			Số (No) 04005/07	
DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)				
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER: VN EXPORT HANOI, VIETNAM http://michaelhoan.googlepages.com		5. Nơi sản xuất: PLACE OF ORIGIN: SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM		
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE: KR IMPORT SEOUL, VIETNAM		6. Phương tiện chuyên chở: DECLARED MEANS OF CONVEYANCE: BY SEA-HOHNEWEG		
3. Số lượng và loại bao bì: NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES: 265 CARTONS		7. Cửa khẩu nhập: DECLARED ENTRY POINT: BULGARIAN PORT		
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS: NONE		8. Khối lượng và số lượng sản phẩm: VALUE AND QUANTITY DECLARED: 3000 KGS NET FERN AND SEAGRASS BASKETS 3.700.00 KGS N.W. 3.349.00 KGS ONLY.		
		9. Tên khoa học của thực vật: BOTANICAL NAME OF PLANTS: Not applicable		
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy định của pháp luật và được coi là không có đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu cũng như phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu. This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to comply with the relevant phytosanitary requirements of the importing contracting party.				
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION) NIL				
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)				
10. Ngày (DATE): NIL	12. Tên thuốc (hoạt chất): CHEMICAL (active ingredient): NIL	14. Thời gian và nhiệt độ: DURATION AND TEMPERATURE: NIL		
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT): NIL	13. Nồng độ (CONCENTRATION): NIL	15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION): NIL		
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION 	17. Nơi cấp giấy: PLACE OF ISSUE: HÀ NỘI	19. Tên, chữ ký của cán bộ Kiểm dịch thực vật có thẩm quyền NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER  QUACH VIET DO DIRECTOR		
		18. Ngày cấp: DATE ISSUED: 02-11-2007		

ÔN TẬP

- Nắm được chức năng, vai trò, nội dung của từng loại chứng từ
- Những lưu ý khi lập và sử dụng chứng từ
- Ứng dụng UCP 600 vào việc giải quyết những mâu thuẫn phát sinh liên quan đến chứng từ

Ví dụ

Công ty nhận được L/C ghi ngày phát hành: **20/06/2009**, ngày giao hàng quy định: **01/07/2009**.

Sau khi giao hàng, công ty xuất trình giấy tờ đòi tiền NH phát hành đúng kỳ hạn.

Nhưng NH từ chối thanh toán, lý do: *Bộ chứng từ mâu thuẫn với điều kiện của L/C:*

- **Packing list ký ngày 15/06/2009** → trước ngày mở L/C
- **C/O ký ngày 28/06/2009**

Giải quyết vấn đề này như thế nào?

End of Topic 6!!!



Ths. Hoang Thi Lan Huong